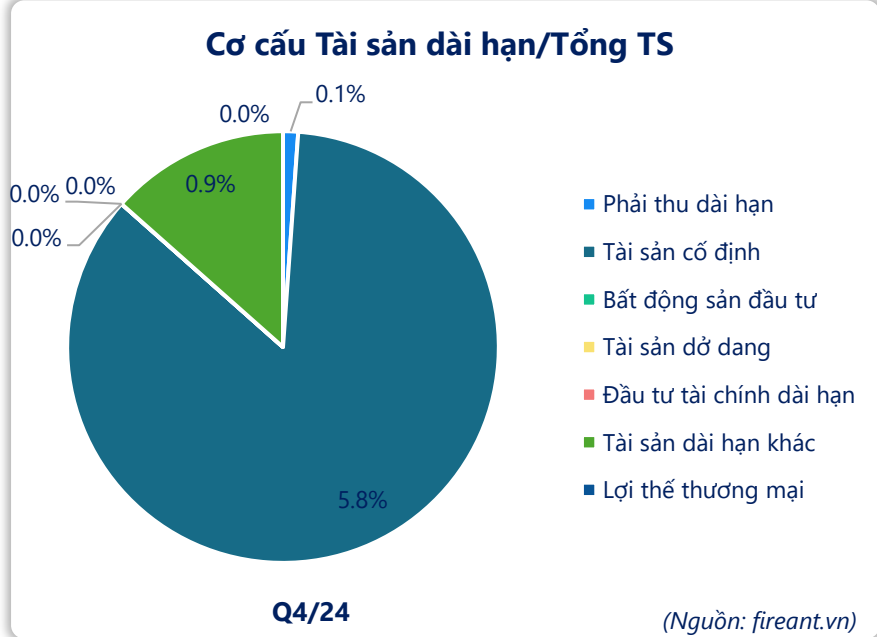
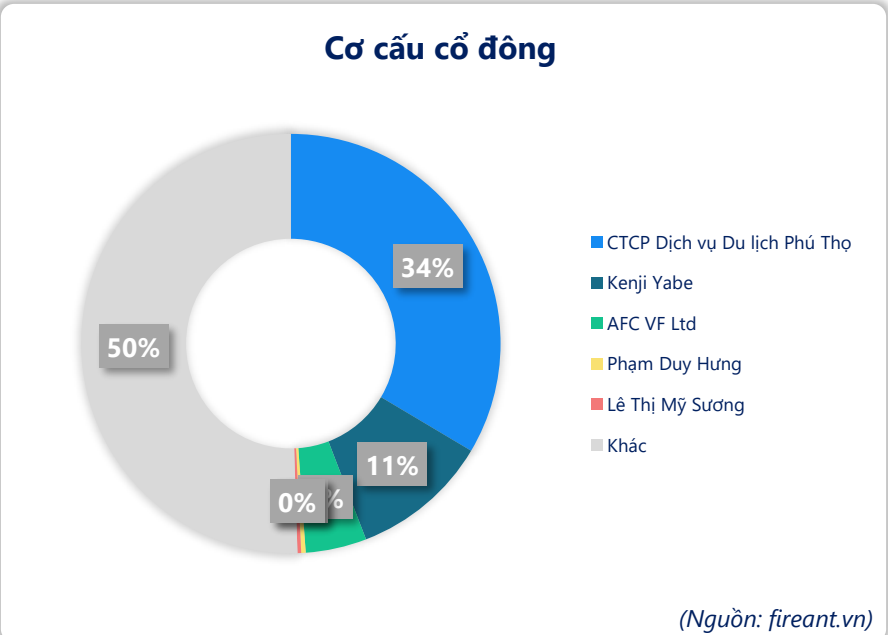
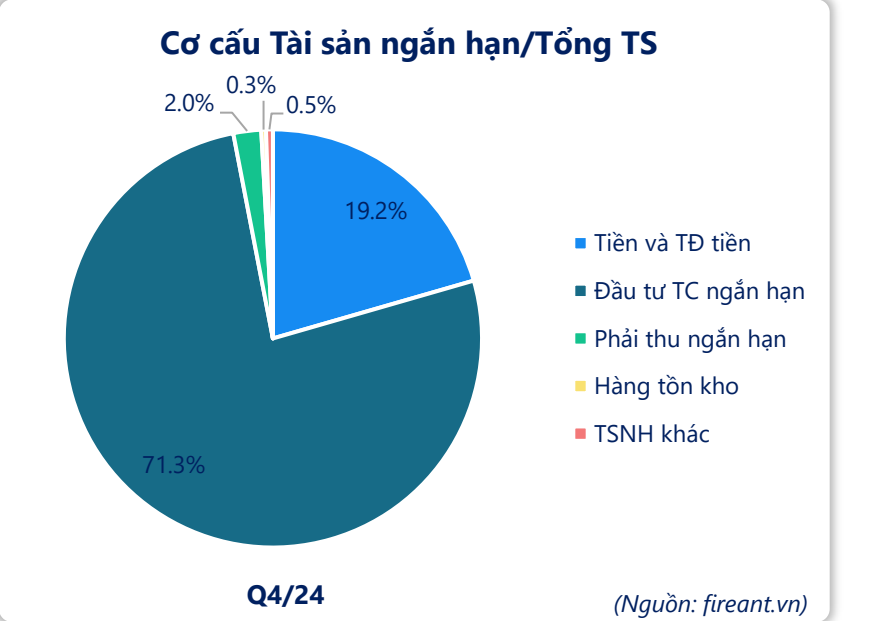
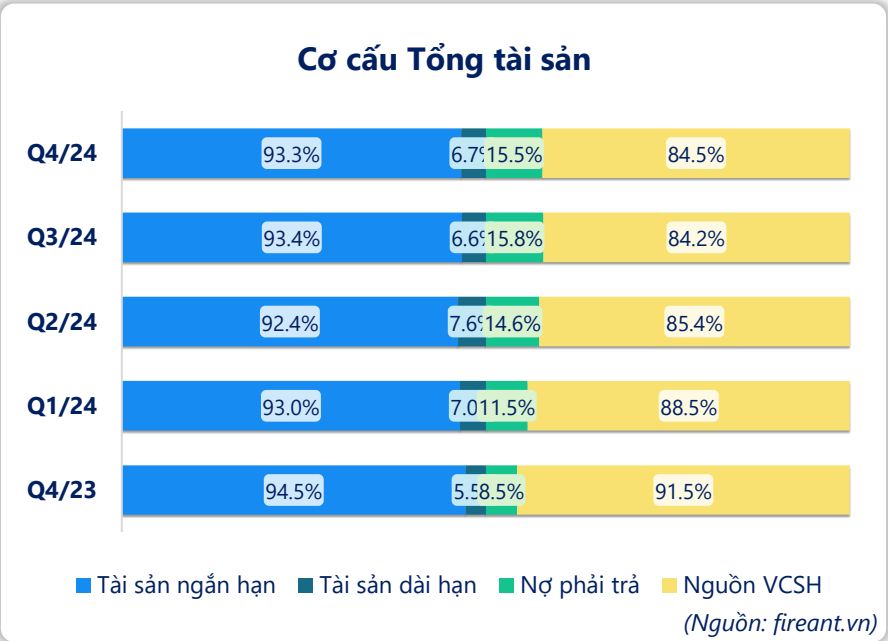
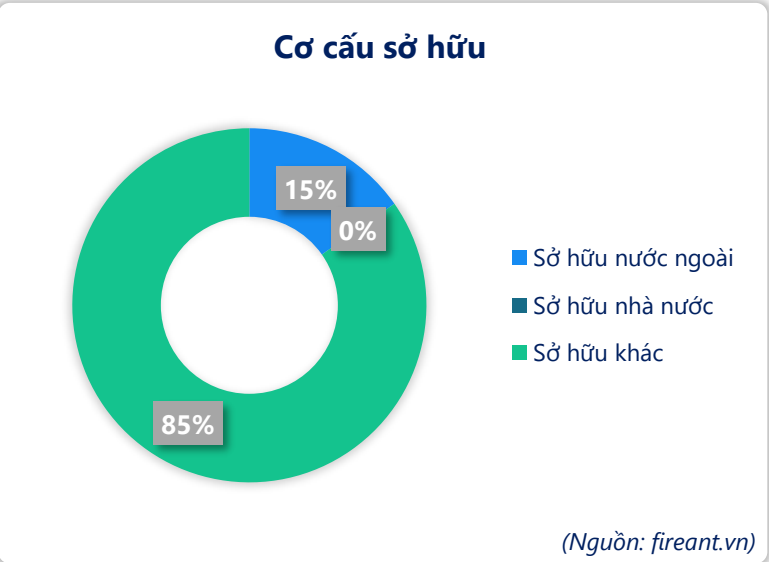
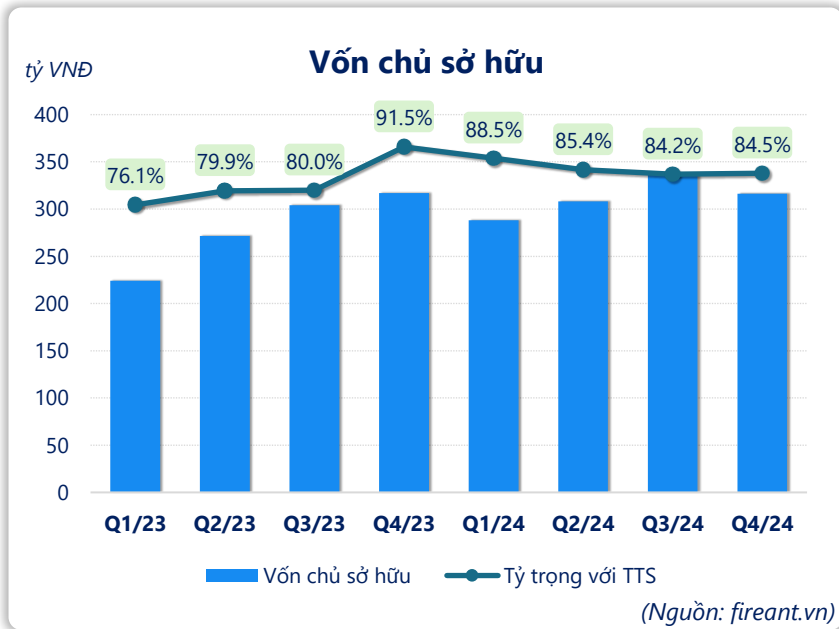
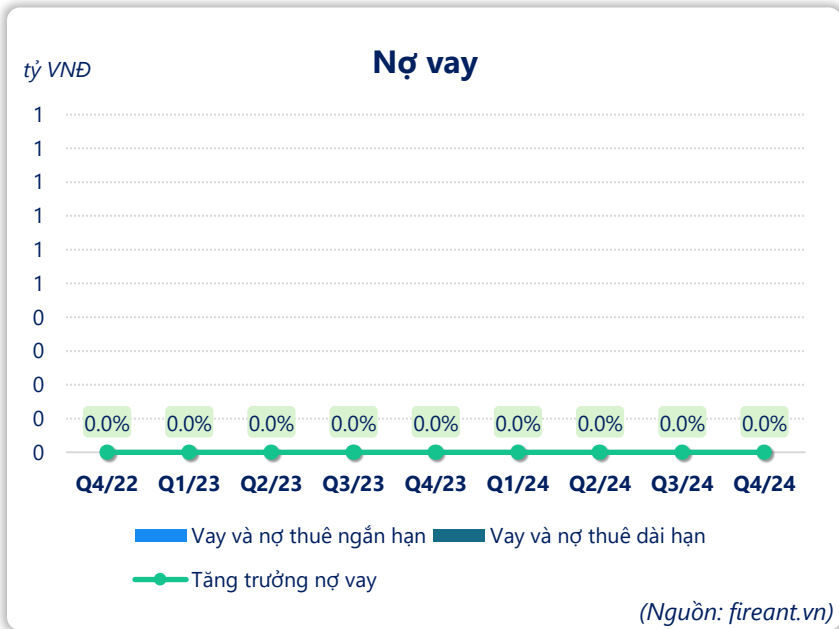
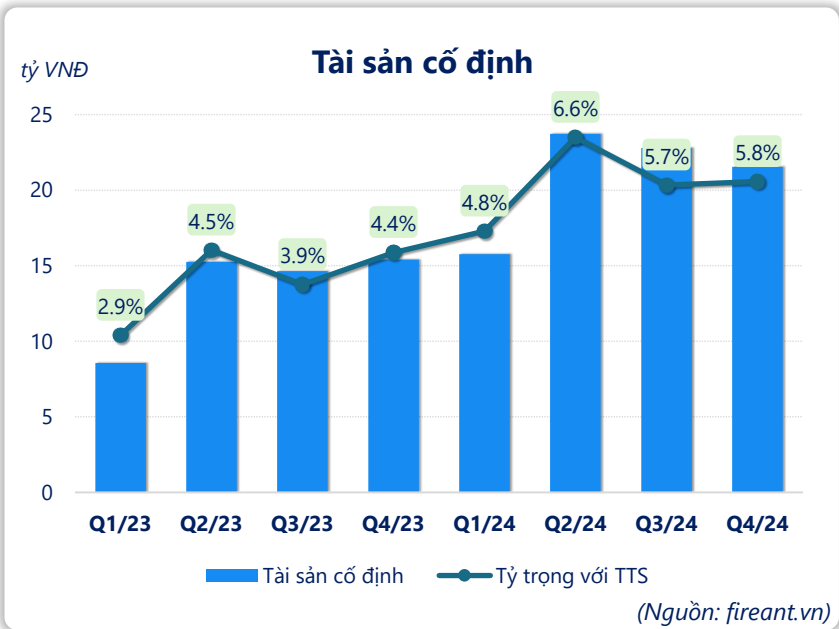
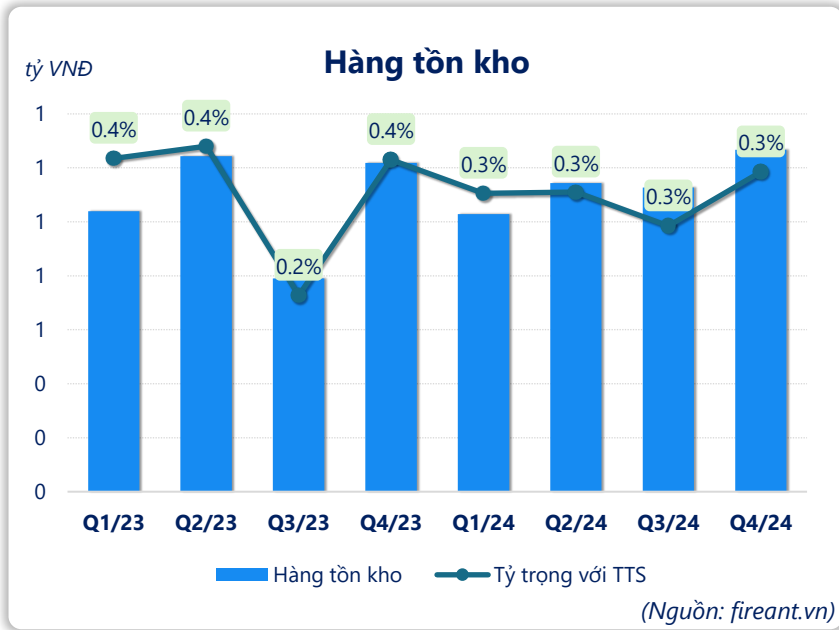
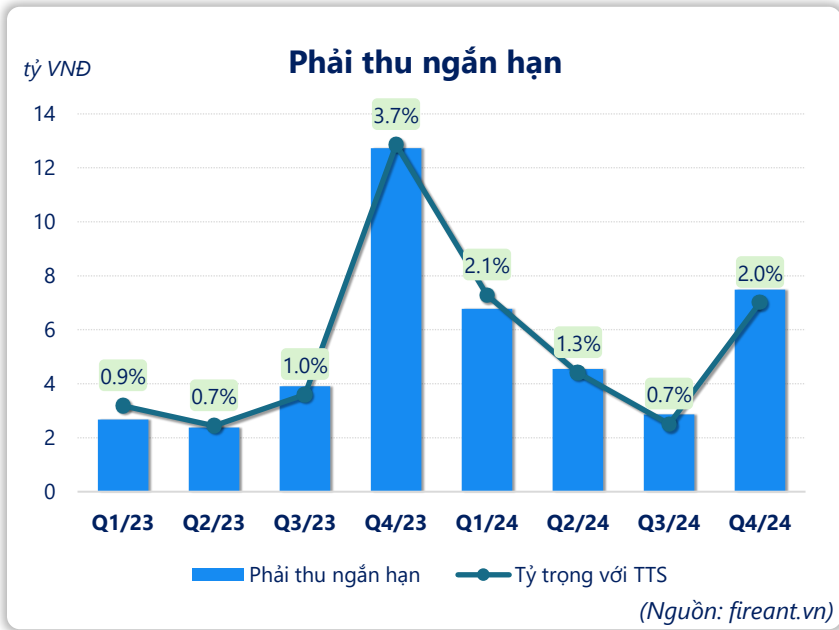
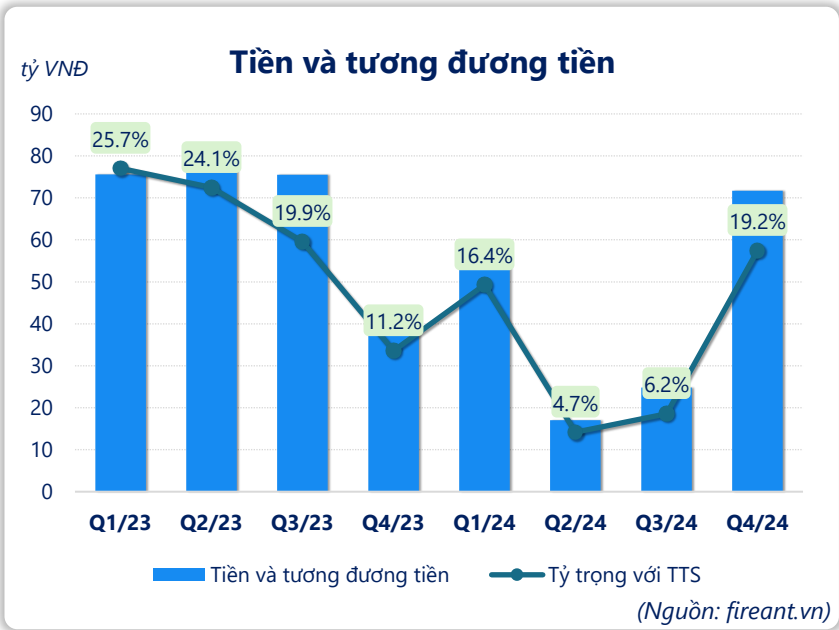
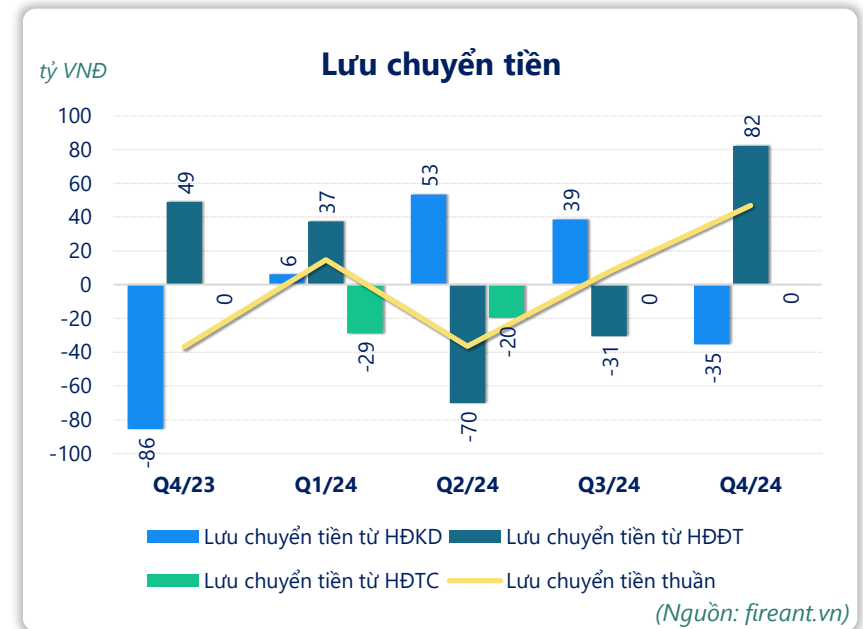
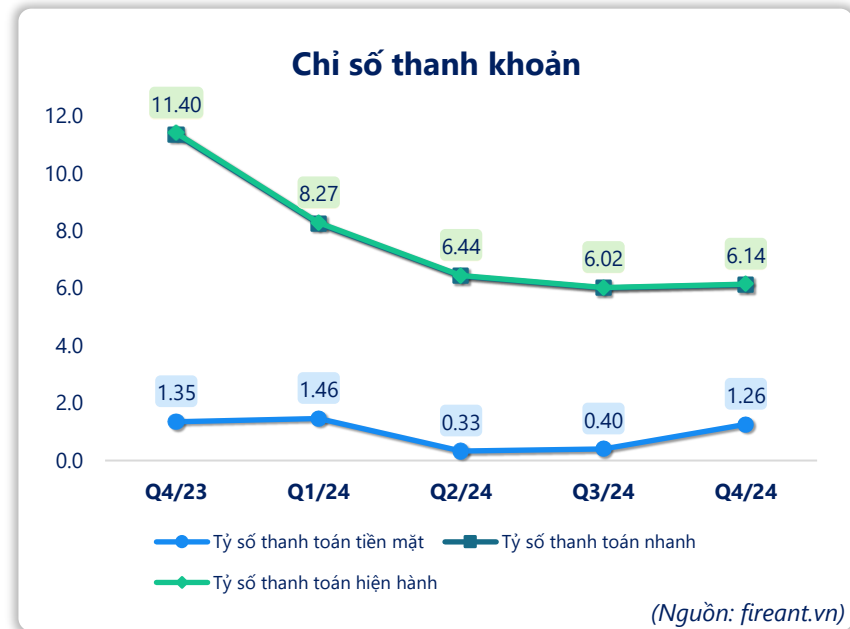
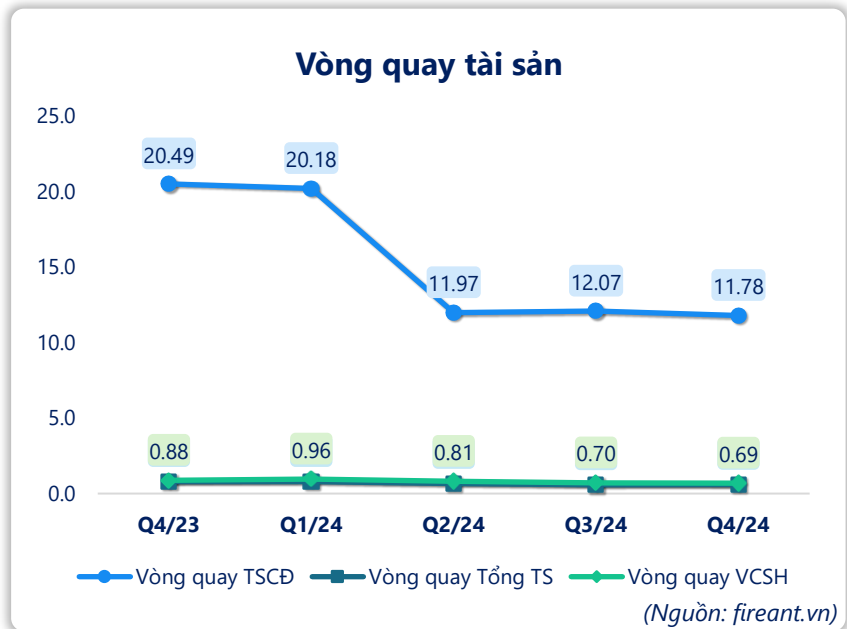
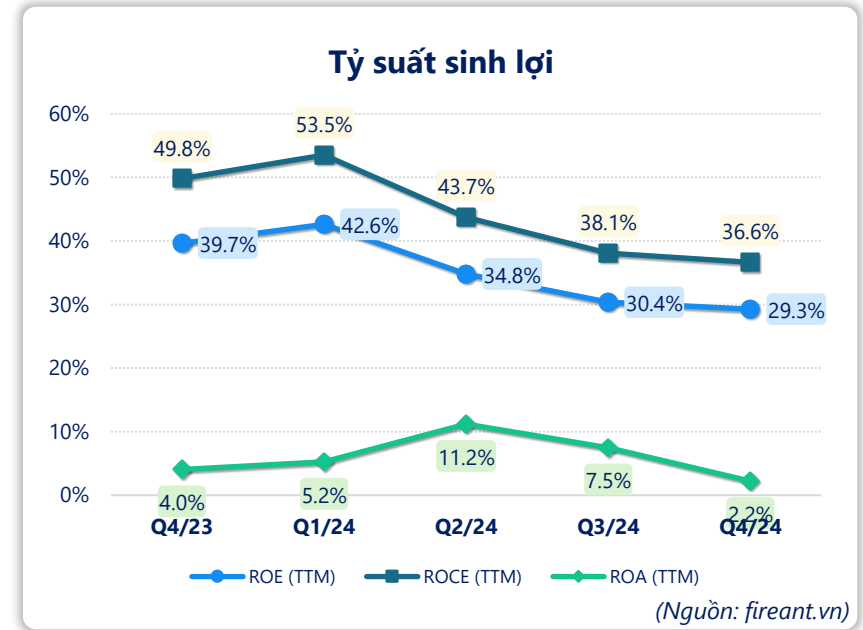
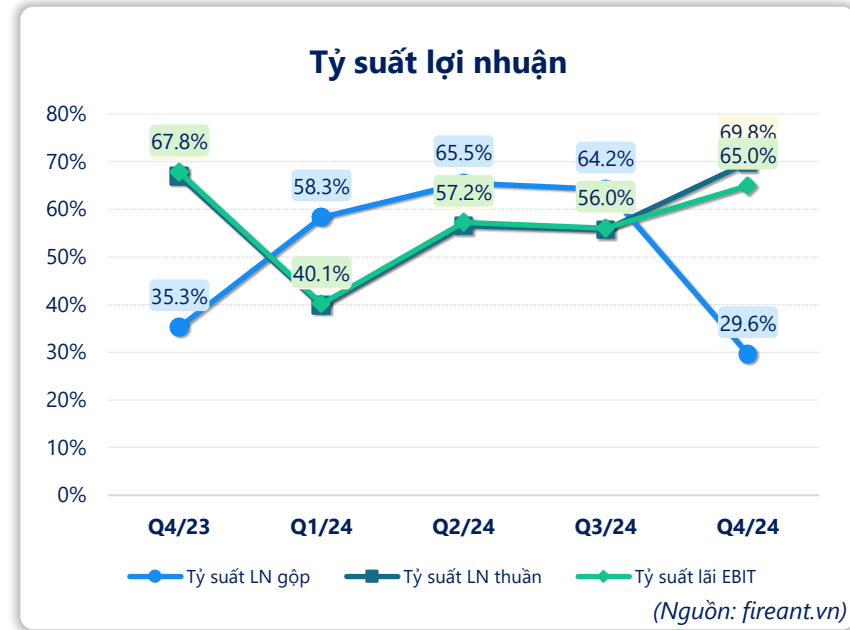
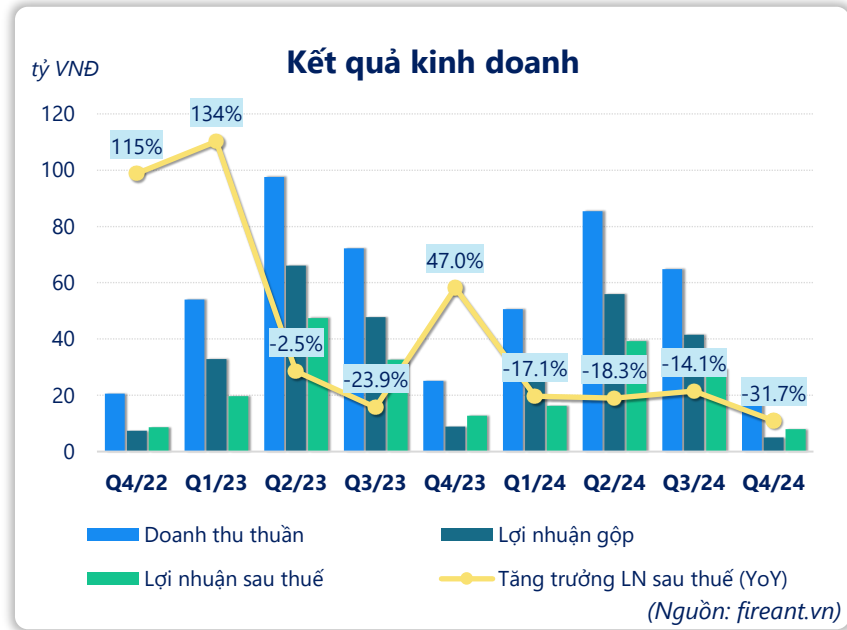


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		55,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		55,897
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		50,532
SL cổ phiếu LH		12,083,009
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,380
% sở hữu nước ngoài		15.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		665
P/E		7.2
EPS		7,671

	YTD	1T	3T	6T
DSN		6.0%	4.1%	0.5%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	374	347	8.0%
Tài sản ngắn hạn	349	327	6.6%
Tiền và tương đương tiền	71.7	38.8	84.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	267	273	-2.4%
Phải thu ngắn hạn	7.49	12.7	-41.1%
Hàng tồn kho	1.27	1.22	4.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	1.56	18.6%
Tài sản dài hạn	25.2	19.1	32.0%
Phải thu dài hạn	0.29	0.29	0.0%
Tài sản cố định	21.5	15.4	39.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.39	3.42	-0.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	57.9	29.6	95.5%
Nợ ngắn hạn	56.8	28.7	97.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.75	0.72	4.3%
Nợ dài hạn	1.06	0.90	18.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	316	317	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	316	317	-0.2%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	25.1	50.7	85.4	64.8	16.8
Giá vốn hàng bán	16.2	21.1	29.5	23.2	11.8
Lợi nhuận gộp	8.85	29.5	55.9	41.6	4.99
Doanh thu HĐTC	13.9	0.43	2.44	3.99	10.9
Chi phí TC	0.00	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.51	4.49	3.65	3.92	1.58
Chi phí QLDN	4.42	5.31	6.39	5.55	2.55
LN thuần từ HĐKD	16.8	20.2	48.3	36.1	11.8
Lợi nhuận khác	0.21	0.16	0.52	0.19	-0.82
LN trước thuế	17.0	20.3	48.8	36.3	10.9
Lợi nhuận sau thuế	12.7	16.2	39.2	29.2	7.98
LNST của CĐ cty mẹ	12.7	16.2	39.2	29.2	8.00

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-85.6	6.11	53.3	38.5	-35.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	48.9	37.5	-70.2	-30.7	82.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.09	-28.9	-19.6	-0.06	-0.01
Tiền đầu kỳ	75.5	38.8	53.5	17.0	24.8
Lưu chuyển tiền thuần	-36.7	14.7	-36.4	7.76	46.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	38.8	53.5	17.0	24.8	71.7

(Nguồn: fireant.vn)